

Bản án số: 57/2018/DS-PT

Ngày: 21 - 3 - 2018

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan

Bà Nguyễn Thị Hồng Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiêm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 314/2017/TLPT- DS ngày 28 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 103/2017/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2018/QĐ-PT ngày 22 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần Dược MH; địa chỉ: Số 322, đường LVL, phường 1, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành B, chức vụ: Tổng Giám đốc; địa chỉ làm việc: Số 322, đường LVL, phường 1, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Anh T, sinh năm 1952; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo Văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 12 năm 2016; địa chỉ cư trú: Số 107, Nguyễn Du, khóm 8, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Tuấn K, sinh năm 1969; địa chỉ: Khóm 1, thị trấn TVT, huyện TVT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phan Hoàng B, sinh năm 1959; là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn theo Văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 12 năm 2016; địa chỉ cư trú: Số 196, THĐ, khóm 8, phường 5, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phạm Minh V, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Ấp ĐB, xã KBT, huyện TVT, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Số 250-252, đường NT, khóm 3, phường 9, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3. Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Khóm 7, thị trấn TVT, huyện TVT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Anh Phạm Tuấn K là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 09/9/2006, Công ty cổ phần Dược MH (gọi tắt là Công ty) ban hành Quyết định số 228/QĐ-TGD bổ nhiệm anh Phạm Tuấn K giữ chức Quyền Trưởng nhà thuốc khu vực Trần Văn Thời. Ngày 15/4/2014 Công ty ra Quyết định số 15 tạm ngưng hoạt động nhà thuốc. Ngày 16/4/2014 Công ty lập biên bản bàn giao thì tiền mặt tại nhà thuốc còn trên sổ sách là 245.127.915 đồng, nhưng thực tế không còn tiền mặt. Anh Phạm Tuấn K giải thích cho ông Huỳnh Văn T mượn 140.000.000 đồng; bán nợ thuốc cho khách hàng đại lý Minh T ở Sông Đốc 80.147.698 đồng (thời điểm anh K làm Trưởng nhà thuốc bán nợ 13.000.000 đồng); anh K mượn 60.000.000 đồng; chị T thủ quỹ mượn 23.880.028 đồng. Công ty quy trách nhiệm và ấn định đến ngày 31/3/2015 anh K phải trả lại số tiền cho Công ty là 153.000.000 đồng, nhưng anh K không thực hiện. Công ty khởi kiện yêu cầu anh K trả số tiền 153.000.000 đồng, gồm tiền cho anh T mượn là 140.000.000 đồng và tiền anh K khai bán nợ thuốc cho hiệu thuốc Minh T 13.000.000 đồng không có chứng từ.

Anh K và người đại diện theo ủy quyền xác định: Số tiền 140.000.000 đồng thể hiện tại 03 biên nhận gồm: Biên nhận ngày 18/12/2007 là 110.000.000 đồng; biên nhận ngày 21/10/2011 là 20.000.000 đồng; biên nhận ngày 10/01/2008 là 10.000.000 đồng. Các biên nhận trên do anh Phạm Minh V - nguyên là Kế toán nhà thuốc đối chiếu công nợ với anh Huỳnh Văn T - nguyên là Kế toán trưởng Bệnh viện đa khoa huyện Trần Văn Thời để thu nợ tiền bán thuốc 200.000.000 đồng, nhưng anh T chỉ trả tiền mặt là 90.000.000 đồng, còn lại số tiền 110.000.000 đồng anh T tự viết biên nhận nợ giao cho anh V mang về đưa cho chị T - nguyên là Thủ quỹ nhà thuốc cất giữ, không báo cáo nên anh K không hay biết. Đến năm 2013, anh K phát hiện sự việc và có yêu cầu anh V làm Tờ trình gửi Tổng giám đốc Công ty. Số tiền 80.147.698 đồng bán nợ cho hiệu thuốc Minh T ở Sông Đốc, trong một thời gian anh K làm Trưởng nhà thuốc bán nợ 13.000.000 đồng, số nợ còn lại trong một thời gian ông T làm Trưởng nhà thuốc. Số nợ 13.000.000 đồng anh K đã báo danh sách về cho Công ty. Từ đó, phía bị đơn xác định số tiền 153.000.000 đồng (140.000.000 đồng + 13.000.000 đồng) là tiền bán thuốc khách hàng nợ nên Công ty có trách nhiệm tự thu hồi, không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Chị Nguyễn Thị T trình bày: Trước đây chị là Thủ quỹ của nhà thuốc khu vực Trần Văn Thời, hiện chị đang giữ bản gốc 03 biên nhận nợ của anh T. Các biên nhận có đánh chữ “R” do mỗi lần kiểm quỹ bị mất cân đối tiền anh K hay nhắc nhở, nên chị đánh chữ “R” để các lần sau không kiểm tra lại. Chị có làm Tờ giải trình đối với 03 biên nhận trên, có anh K ký tên, nhưng Tờ giải trình đã nộp cho Cơ quan điều tra trong một vụ án khác.

Anh Phạm Minh V trình bày: Trước đây anh là Kế toán của nhà thuốc khu vực Trần Văn Thời. Ngày 18/12/2007 anh T có ghi biên nhận mượn tiền của anh K là 110.000.000 đồng; ngày 10/01/2008 anh T mượn thêm 10.000.000 đồng; ngày 21/10/2011 anh T mượn thêm 20.000.000 đồng. Anh K kêu chị T xuất tiền quỹ cho mượn đối với số tiền 30.000.000 đồng (hai biên nhận sau). Đối với Tờ giải trình ngày 31/5/2013 do anh K chỉ đạo anh viết có chữ ký của anh K.

Từ nội dung trên, tại bản án sơ thẩm số: 103/2017/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 232, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 255, 256 của Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQHH ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty cổ phần Dược MH, buộc bị đơn anh Phạm Tuấn K có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần Dược MH số tiền 153.000.000 đồng (Một trăm năm mươi ba triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 17 tháng 11 năm 2017, bị đơn Phạm Tuấn K nộp đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét: Số tiền 140.000.000 đồng gồm 03 biên nhận nợ do Huỳnh Văn T viết, anh K không chỉ đạo cho Phạm Minh V và Nguyễn Thị T cho Huỳnh Văn T mượn. Số tiền 13.000.000 đồng là tiền quầy thuốc Minh T nợ tiền thuốc bỏ trốn, buộc anh bồi thường cho Công ty là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, 312 của Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Phạm Tuấn K. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Huỳnh Văn T; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 103/2017/DS-ST ngày 02/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn Phạm Tuấn K trong hạn luật định là hợp pháp được xem xét.

Đối với anh Huỳnh Văn T, nhận được bản án sơ thẩm ngày 01/12/2017 và có đơn kháng cáo ngày 14/12/2017 là trong hạn luật định. Ngày 21/12/2017 anh T có đơn rút toàn bộ nội dung kháng cáo và xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Việc rút kháng cáo của Huỳnh Văn T là tự nguyện không trái quy định của pháp

luật. Căn cứ vào các Điều 284; 289; 296; 312 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt và đình chỉ không xem xét kháng cáo của anh T.

[2] Xét nội dung vụ án thấy rằng: Công ty cổ phần Dược MH khởi kiện đòi anh Phạm Tuấn K có nghĩa vụ trả lại số tiền 153.000.000 đồng nằm trong khoản tiền 245.127.915 đồng bị mất cân đối quỹ tại Nhà thuốc Trần Văn Thời trực thuộc Công ty trong thời gian anh Phạm Tuấn K làm Trưởng nhà thuốc. Theo Biên bản bàn giao nhà thuốc Trần Văn Thời ngày 16/4/2014, quỹ tiền mặt trên sổ của nhà thuốc là 245.127.915 đồng, nhưng thực tế không còn tiền mặt. Cụ thể số tiền anh K phải trả cho Công ty gồm 140.000.000 đồng cho anh T mượn và 13.000.000 đồng anh K xác định đại lý Minh T nợ tiền thuốc thời gian anh K quản lý Nhà thuốc nhưng không có chứng từ chứng minh.

Phía bị đơn thừa nhận số tiền mất cân đối quỹ khi kiểm tra 153.000.000 đồng ở 02 khoản nêu trên là có, nhưng cho rằng 140.000.000 đồng thể hiện tại 03 biên nhận nợ của Huỳnh Văn T và 13.000.000 đồng tiền nợ của Minh T là tiền bán thuốc cho khách hàng nên không đồng ý trả lại số tiền này theo yêu cầu của Công ty.

Án sơ thẩm xác định tiền anh T ghi biên nhận nợ 140.000.000 đồng là do anh K cho anh T mượn, 13.000.000 đồng anh K khai hiệu thuốc Minh T nợ nhưng không có chứng từ ký xác nhận của Minh T, từ đó đã buộc anh K có nghĩa vụ trả lại cho Công ty 153.000.000 đồng.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn và lời trình bày, tranh luận của đại diện hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm xác định: Số tiền 140.000.000 đồng thể hiện tại 03 biên nhận nợ do Huỳnh Văn T viết vào các ngày (ngày 18/12/2007 mượn của anh K 110.000.000 đồng; ngày 10/01/2008 nhận của V 10.000.000 đồng; ngày 21/10/2011 nhận của V 20.000.000 đồng), anh K không chỉ đạo cho Phạm Minh V và Nguyễn Thị T cho anh T mượn. Đây là tiền anh T nợ tiền thuốc của nhà thuốc Trần Văn Thời được chứng minh bằng Tờ trình của Phạm Minh V ngày 31/5/2013 báo cáo Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược MH (BL: 102).

Hội đồng xét xử nhận thấy, tại hồ sơ lời khai của anh T xác định không nợ tiền thuốc của nhà thuốc Trần Văn Thời, cũng không mượn quỹ của nhà thuốc. Các biên nhận nợ là do anh ký tên vì trước đây anh có mượn tiền của anh K, đó là quan hệ cá nhân và đã trả xong (BL: 116 và tại đơn kháng cáo). Lời khai của anh T phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ như: Biên bản làm việc 23/5/2013 (BL: 106), có nội dung: *“Ông K giải thích về tạm ứng quỹ là do ông K cho ông T ứng”*. Cũng tại biên bản này, ông Châu Hòa P, chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty xác định *“phần ông K cho T ứng đó là trách nhiệm cá nhân của ông K”*. Anh K đồng ý với kết luận của ông P. Tại lời khai của anh V, chị T, việc cho anh T mượn tiền thể hiện trên 03 biên nhận nợ là có ý kiến chỉ đạo của anh K. Anh V viết Tờ trình theo chỉ đạo và được anh K đồng ý ký tên. Nội dung Tờ trình thể hiện anh T mượn nợ tiền quỹ của nhà thuốc. Mặt khác, việc bán thuốc là bán cho Bệnh viện Trần Văn Thời, khi thanh toán nếu có nợ là Bệnh viện nợ, kèm theo chứng từ, chứ không phải anh T nợ bằng biên nhận. Do đó, có cơ sở kết luận quan hệ mượn nợ giữa anh T với anh K là quan hệ cá nhân. Anh K dùng tiền của Nhà thuốc thuộc Công ty cho anh T mượn mà không có ý kiến của Công ty nên anh K phải có nghĩa vụ trả lại

cho Công ty là đúng. Án sơ thẩm buộc anh K trả Công ty số tiền 140.000.000 đồng là có căn cứ. Không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh K đối với trách nhiệm hoàn trả số tiền này.

Đối với số tiền 13.000.000 đồng, anh K cho rằng là tiền bán thuốc cho hiệu thuốc Minh T, chưa trả, bỏ trốn thuộc trách nhiệm thu hồi nợ của Công ty. Công ty không đồng ý, vì rằng anh K không có chứng từ chứng minh hiệu thuốc Minh T có nợ số tiền này. Tại thông báo (BL: 92) do anh K cung cấp thể hiện công nợ của hiệu thuốc Minh T đến ngày 30/4/2013 là 80.147.698 đồng. Tuy nhiên, thông báo này không có xác nhận của Minh T. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, phía anh K đưa ra chứng cứ là bản đối chiếu công nợ thời điểm từ 01/01/2008 đến 18/12/2008 giữa nhà thuốc Trần Văn Thời với hiệu thuốc Minh T có chữ ký của anh V và Nguyễn Thị Minh T, thể hiện số tiền nợ của Minh T là 84.629.011 đồng (BL: 80). Từ đó, phía bị đơn cho rằng số tiền 13.000.000 đồng nằm trong số tiền Minh T nợ tiền thuốc bỏ trốn.

Xét tại thời điểm năm 2008, hiệu thuốc Minh T mua thuốc còn nợ tiền nhà thuốc Trần Văn Thời 84.629.011 đồng như bản đối chiếu công nợ là đúng. Tuy nhiên, số nợ này chỉ thể hiện được tại thời điểm trong năm 2008. Còn số tiền 13.000.000 đồng là tiền thâm hụt quỹ tại thời điểm đóng cửa nhà thuốc năm 2013. Anh K không có tài liệu, chứng từ chứng minh từ 2008 đến 2013 việc bán thuốc cho hiệu thuốc Minh T có phát sinh tăng giảm nợ thế nào và thời điểm nào Minh T bỏ trốn không thanh toán nợ. Từ đó không có cơ sở để chấp nhận trình bày của anh K là số tiền 13.000.000 đồng mất cân đối quỹ là tiền nợ của hiệu thuốc Minh T. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn quy trách nhiệm hoàn trả số tiền này đối với anh K trong thời gian anh làm quản lý nhà thuốc là có căn cứ, cần được giữ nguyên.

[4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tại cấp phúc thẩm người kháng cáo không đưa ra được thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Phạm Tuấn K. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 284; 289; khoản 1 Điều 308; Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 255, 256 Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQHH ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Phạm Tuấn K. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 103/2017/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Buộc anh Phạm Tuấn K có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần Dược MH số tiền 153.000.000 đồng (Một trăm năm mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí: Anh Phạm Tuấn K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, tại biên lai số 0007524 ngày 18/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trọng Nhân